

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VỊ THANH
TỈNH HẬU GIANG**

Bản án số: 43/2019/DS-ST.

Ngày: 10-4-2019

V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tạ Hồng Thái.

Ông Nguyễn Khải Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Sơn Thanh Phong. Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 10 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 196/2018/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng dịch vụ, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 02 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2019/QĐST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Huỳnh Điền T.

Địa chỉ: số 242, ấp 8, xã Vĩnh Viễn A, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Tấn N.

Địa chỉ: khu vực 5, phường III, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/8/2018 nguyên đơn anh Huỳnh Điền T trình bày: Vào tháng 5 năm 2017 anh T có kéo rơm thuê cho anh Nguyễn Tấn N với số tiền 30.000.000 đồng, anh N đã trả được 10.000.000 đồng, còn nợ lại 20.000.000 đồng, có làm biên nhận. Do anh N hện nhiều lần, nhưng không trả nên yêu cầu anh N trả tiền kéo rơm còn nợ là 20.000.000 đồng.

Tài liệu chứng cứ anh Huỳnh Điền T kèm theo đơn khởi kiện: chứng minh nhân dân (bản sao), biên nhận (bản chính), sổ hộ khẩu (bản sao)

Quá trình thu thập chứng cứ bị đơn anh Nguyễn Tấn N được Tòa án tổng đạt các văn bản hợp lệ theo quy định pháp luật, nhưng anh N chưa thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa nguyên đơn anh Huỳnh Điền T trình bày: anh Nguyễn Tấn N thuê anh kéo rơm nhiều lần, tổng số tiền hơn 40.000.000 đồng, nhưng anh N đã trả và còn nợ lại 20.000.000 đồng. Do anh N hện trả nhiều lần, nhưng không thực hiện. Nên anh T yêu cầu anh Nguyễn Tấn N trả tiền kéo rơm còn nợ là 20.000.000 đồng, không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi. Bị đơn vắng mặt chưa thể hiện ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Anh Nguyễn Tấn N có thuê anh Huỳnh Điền T kéo rơm, sau đó anh N đã trả tiền kéo rơm cho T, nhưng còn nợ lại 20.000.000 đồng. Nhưng do anh N không trả số tiền còn nợ, nên anh T có gửi đơn khởi kiện anh Nguyễn Tấn N yêu cầu trả tiền kéo rơm còn nợ là 20.000.000 đồng, nên Tòa xác định quan hệ tranh chấp là hợp đồng dịch vụ.

Đây là vụ án dân sự, căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án trên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện.

Địa chỉ của bị đơn anh Nguyễn Tấn N tại khu vực 5, phường III, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh giải quyết là hoàn toàn phù hợp quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Nguyễn Tấn N dù được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02, nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N.

[2]. Anh Huỳnh Điền T khởi kiện anh Nguyễn Tấn N yêu cầu trả tiền thuê kéo rơm mà anh N còn nợ là 20.000.000 đồng. Nguyên đơn chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là biên nhận nợ.

Bị đơn anh Nguyễn Tấn N vắng mặt, chưa thể hiện ý kiến

Xét thấy, theo quy định tại khoản 1 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự “đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp”. Ở đây anh T đã chứng minh anh N có nợ thuê kéo rơm bằng biên nhận nợ. Theo khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự “đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”, từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến ngày xét xử đã tổng đạt các văn bản cho anh N theo quy định pháp luật, nhưng anh N không thể hiện ý kiến hoặc cung cấp tài liệu chứng cứ để phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Nên xác định anh N có nợ của anh T theo biên nhận là sự thật, nên anh N phải có trách nhiệm trả tiền thuê kéo rơm là 20.000.000 đồng.

[3]. Về lãi suất: Anh Huỳnh Điền T không yêu cầu, nên không xem xét.

Từ những nhận định như đã nêu trên Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 513, 514, 515 Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Điền T.

[4]. Án phí dân sự sơ thẩm: buộc đương sự nộp theo Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: các Điều 26, 35, 39, 91, 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: các Điều 513, 514, 515 Bộ luật dân sự năm 2015.

Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Huỳnh Điền T.

1. Buộc anh Nguyễn Tấn N có trách nhiệm trả cho anh Huỳnh Điền T số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc anh Nguyễn Tấn N có trách nhiệm nộp 1.000.000 đồng (một triệu đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh.

Anh Huỳnh Điền T được nhận lại 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí nộp ngày 12/12/2018 theo biên lai số 0016397 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh.

4. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Hồng Thái – Nguyễn Khải Hoàng

Phạm Thị Tuyết Mai